

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1616/QĐ-UBND ngày 02/6/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn về bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 902/QĐ-UBND ngày 05/5/2015 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo văn bản số 24/QT/2022 ngày 19/07/2022 của Công ty TNHH Môi trường Quý Tiến về việc giải trình các nội dung chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện báo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy xử lý nước thải tập trung Quý Tiến tại Khu xử lý chất thải tập trung Tóc Tiên theo nội dung Biên bản họp Tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường của dự án ngày 24/6/2022;

Theo đề nghị của Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số 1556/TTr-CCBVMT ngày 13/08/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Môi trường Quý Tiến được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Nhà máy xử lý nước thải tập trung Quý Tiến tại Khu xử lý chất thải tập trung Tóc Tiên, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy xử lý nước thải tập trung Quý Tiến.

1.2. Địa điểm hoạt động: Khu xử lý chất thải tập trung Tóc Tiên, xã Tóc Tiên, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

1.3. Quyết định chủ trương đầu tư số 3183/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 07 tháng 11 năm 2018; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Hai thành viên trở lên mã số 3500742037 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế

hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp (đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 04 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 29 tháng 05 năm 2018).

1.4. Mã số thuế: 3500742037.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải để xử lý nước thải của các cơ sở trong Khu xử lý chất thải tập trung Tóc Tiên.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Tổng diện tích của dự án: 2,86 ha.

- Quy mô: Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: Tổng công suất 2.000 m³/ngày đêm, nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT (cột A, K_q = 0,9; K_f = 1,0) trước khi chảy vào Suối Đá (Suối Giao Kèo) và Sông Dinh (*phạm vi dự án không bao gồm hệ thống thu gom nước thải từ các cơ sở trong Khu xử lý chất thải tập trung Tóc Tiên*), chia làm 02 module, cụ thể:

+ Module 01 với công suất 1.000 m³/ngày đêm, được xây dựng trên khu đất diện tích 1.260 m² (đã thực hiện);

+ Module 02 với công suất 1.000 m³/ngày đêm, được xây dựng trên khu đất diện tích 1.260 m² (chưa thực hiện).

Công nghệ xử lý, kích thước các bể xử lý và thông số các thiết bị lắp đặt cho 02 module là hoàn toàn giống nhau. Các module chỉ dùng chung Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục; Hồ sinh học (có dung tích hữu ích 800m³); Hồ sục khí (có thể tích 4.400m³ và dung tích hữu ích 4.000 m³). Các hạng mục còn lại xây dựng riêng cho từng module và có thể hoạt động độc lập.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Môi trường Quý Tiến

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Môi trường Quý Tiến có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm**.

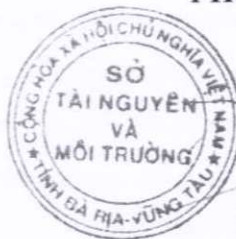
(từ ngày .15. tháng .08. năm 2022 đến ngày .15. tháng .08. năm 2032).

Điều 4. Giao Chi cục Bảo vệ môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Phú Mỹ tham mưu tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

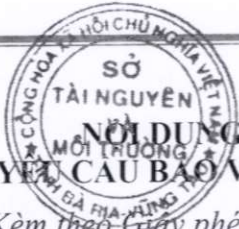
Nơi nhận:

- Công ty TNHH MT Quý Tiên;
 - Bộ TNMT (b/c);
 - UBND tỉnh (b/c);
 - BGĐ Sở TNMT (b/c);
 - Sở Xây dựng;
 - Công an tỉnh;
 - UBND thị xã Phú Mỹ;
 - Phòng TNMT thị xã Phú Mỹ;
 - Trung tâm phục vụ hành chính công;
 - Trung tâm CNTT TN&MT
- (đăng trên cổng thông tin điện tử của Sở);
- Trung tâm Quản lý HTKT tỉnh;
 - Lưu: VT, CCBVMT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Anh Tú



Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YẾU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số .01. /GPMT-STNMT ngày .15. tháng .08. năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01:

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh của khu nhà điều hành được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn dung tích $02m^3$ ($02m \times 01m \times 01m$), sau đó dẫn về Nhà máy xử lý nước thải tập trung Quý Tiến - module 01 có công suất thiết kế $1.000m^3$ /ngày đêm để tiếp tục xử lý.

+ Nước thải rỉ rác từ nhà chứa chất thải được thu gom toàn bộ sau đó dẫn về Nhà máy xử lý nước thải tập trung Quý Tiến - module 01 có công suất thiết kế $1.000m^3$ /ngày đêm để xử lý.

+ Nước thải từ Nhà máy xử lý nước thải tập trung Quý Tiến: nước rửa lọc, rửa sàn, phòng thí nghiệm,... được thu gom toàn bộ dẫn về Nhà máy xử lý nước thải tập trung Quý Tiến - module 01 có công suất thiết kế $1.000m^3$ /ngày đêm của nhà máy để xử lý.

- Nguồn số 02: Nước thải của các cơ sở trong Khu xử lý chất thải tập trung Tóc Tiên sau khi xử lý đạt giá trị giới hạn tiếp nhận nước thải quy định dành cho doanh nghiệp sẽ thu gom dẫn về Nhà máy xử lý nước thải tập trung Quý Tiến - module 01 có công suất thiết kế $1.000m^3$ /ngày đêm để xử lý. Giới hạn tiếp nhận nước thải quy định dành cho các doanh nghiệp, tương đương QCVN 40:2011/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp; đối với các doanh nghiệp phát sinh nước thải với lưu lượng ít, nồng độ ô nhiễm cao và không thường xuyên có thể thỏa thuận mức đầu nối cao hơn Giới hạn tiếp nhận, tuy nhiên phải thấp hơn Thông số thiết kế công nghệ cho Nhà máy xử lý nước thải tập trung Quý Tiến - module 1.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Suối Đá (Suối Giao Kèo), xã Tóc Tiên, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Nhà máy xử lý nước thải tập trung Quý Tiến - module 01 tại Khu xử lý chất thải tập trung Tóc Tiên, xã Tóc Tiên, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Tọa độ xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3°), như sau: X = 1169888; Y = 432721.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $1.000 m^3$ /ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải

- Nước thải của nhà máy và nước thải của các cơ sở trong Khu xử lý chất thải tập trung Tóc Tiên → Nhà máy xử lý nước thải tập trung Quý Tiến module 01 có công suất thiết kế 1.000m³/ngày đêm → Hồ sinh học (có dung tích hữu ích 800m³) → Hồ ga sau xử lý → 01 đường ống dẫn nước đặt ngầm dài 90m bằng vật liệu bê tông cốt thép D1000 → Suối Đá (Suối Giao Kèo) → Sông Dinh.

- Phương thức xả thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục (24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A; $K_q = 0,9$; $K_f = 1,0$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1.	Lưu lượng (đầu vào và đầu ra)	m ³ /ngày đêm	1.000	Không	Tự động, liên tục
2.	Nhiệt độ	°C	40	Không	Tự động, liên tục
3.	Độ màu	Pt/Co	50	Không	Tự động, liên tục
4.	pH	-	6 ÷ 9	Không	Tự động, liên tục
5.	COD	mg/l	67,5	Không	Tự động, liên tục
6.	Chất rắn lơ lửng	mg/l	45	Không	Tự động, liên tục
7.	Amoni (tính theo N)	mg/l	4,5	Không	Tự động, liên tục
8.	BOD ₅ (20°C)	mg/l	27	03 tháng/lần	Không
9.	Asen	mg/l	0,045	03 tháng/lần	Không
10.	Thủy ngân	mg/l	0,0045	03 tháng/lần	Không
11.	Chì	mg/l	0,09	03 tháng/lần	Không
12.	Cadimi (Cd)	mg/l	0,045	03 tháng/lần	Không
13.	Crom (VI)	mg/l	0,045	03 tháng/lần	Không
14.	Crom (III)	mg/l	0,18	03 tháng/lần	Không
15.	Đồng	mg/l	1,8	03 tháng/lần	Không
16.	Kẽm	mg/l	2,7	03 tháng/lần	Không
17.	Niken	mg/l	0,18	03 tháng/lần	Không
18.	Mangan	mg/l	0,45	03 tháng/lần	Không
19.	Sắt	mg/l	0,9	03 tháng/lần	Không
20.	Tổng xianua	mg/l	0,063	03 tháng/lần	Không
21.	Tổng phenol	mg/l	0,09	03 tháng/lần	Không

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
22.	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,5	03 tháng/lần	Không
23.	Sunfua	mg/l	0,18	03 tháng/lần	Không
24.	Florua	mg/l	4,5	03 tháng/lần	Không
25.	Tổng Nitơ	mg/l	18	03 tháng/lần	Không
26.	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/l	3,6	03 tháng/lần	Không
27.	Clorua	mg/l	450	03 tháng/lần	Không
28.	Clo dư	mg/l	0,9	03 tháng/lần	Không
29.	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,045	03 tháng/lần	Không
30.	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật phot pho hữu cơ	mg/l	0,27	03 tháng/lần	Không
31.	Tổng PCB	mg/l	0.0027	03 tháng/lần	Không
32.	Coliform	vi khuẩn/100ml	3.000	03 tháng/lần	Không

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Mạng lưới thu gom nước thải và nước mưa sạch được tách biệt với nhau.
- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh của khu nhà điều hành được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn, sau đó dẫn về Nhà máy xử lý nước thải tập trung Quý Tiến - module 01 để tiếp tục xử lý.
- Nước thải rỉ rác từ nhà chứa chất thải được thu gom toàn bộ dẫn về Nhà máy xử lý nước thải tập trung Quý Tiến - module 01 để xử lý.
- Nước thải từ Nhà máy xử lý nước thải tập trung Quý Tiến - module 01: nước rửa lọc, rửa sàn, phòng thí nghiệm,... được thu gom toàn bộ dẫn về Nhà máy xử lý nước thải tập trung Quý Tiến - module 01 để xử lý.
- Nước thải của các cơ sở trong Khu xử lý chất thải tập trung Tóc Tiên sau khi xử lý đạt giá trị Giới hạn tiếp nhận nước thải sẽ thu gom dẫn về Nhà máy xử lý nước thải tập trung Quý Tiến - module 01 để xử lý (*Phạm vi dự án không bao gồm hệ thống thu gom nước thải từ các cơ sở trong Khu xử lý chất thải tập trung Tóc Tiên*).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải Nhà máy xử lý nước thải tập trung Quý Tiến - module 01

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ hệ thống thu gom → Bể thu gom → Bể tách dầu → Bể điều hòa → Bể điều chỉnh pH → Bể keo tụ → Bể tạo bông 1 → Bể lắng hóa lý 1 → Bể trung hòa pH → Bể trung gian 1 → Bể UASB → Bể Anoxic → Bể Aerotank → Bể lắng sinh học → Bể hạ pH → Bể phản ứng Fenton → Bể oxy hóa → Bể nâng pH → Bể tạo bông 2 → Bể lắng hóa lý 2 → Bể trung gian 2 → Bồn lọc áp lực → Bồn lọc than hoạt tính → Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (Lưu lượng đầu vào và đầu ra, nhiệt độ, độ màu, pH, COD, SS, amoni) → Hồ sinh học (có dung tích hữu ích 800m³) → Nguồn tiếp nhận Suối Đá (Suối Giao Kèo).

- Công suất thiết kế: 1.000 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: PAC, Khử màu, Polymer cation, Polymer anion, Na₂CO₃, NaOH, H₂SO₄, FeSO₄, H₂O₂.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Dự án đã lắp đặt Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục như sau:

- Số lượng: 01 hệ thống.
- Vị trí lắp đặt: Tại mương quan trắc và tại bể thu gom nước thải đầu vào (đối với thông số lưu lượng đầu vào).
- Thông số lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, độ màu, pH, COD, SS, amoni.
- Thiết bị lấy mẫu tự động: Đã lắp đặt thiết bị lấy mẫu tự động.
- Camera theo dõi: Đã lắp đặt camera giám sát.
- Kết nối, truyền số liệu: Dữ liệu đã được truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để theo dõi giám sát. Đã có Thông báo số 314/TB-STNMT ngày 23/12/2021 của Sở Tài và Môi trường về hồ sơ kết nối quan trắc nước thải tự động, liên tục và truyền dữ liệu về Trung tâm tiếp nhận dữ liệu của tỉnh; Văn bản số 718/TTQTNTMT-QT ngày 28/12/2021 của Trung tâm quan trắc Tài nguyên và Môi trường thông báo đã tiếp nhận dữ liệu truyền về từ Công ty TNHH Môi trường Quý Tiến.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố

- Đã bố trí hồ sự cố có thể tích 4.400m³, dung tích hữu ích 4.000m³ để ứng phó sự cố khi hệ thống xử lý nước thải của nhà máy gặp sự cố.
- Đã lắp đặt thiết bị đốt khí tự động tại bể UASB trong trường hợp lượng khí metan sinh ra tại bể UASB nhiều.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố

a) Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Trang bị thiết bị dự phòng cần thiết (bơm, máy thổi khí...) để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.
- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ; bảo đảm vận hành Nhà máy xử lý nước thải tập trung Quý Tiến - module 01 theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

- Thiết lập giá trị cảnh báo sớm cho Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đối với các thông số ô nhiễm trong nước thải; thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị đo theo quy định.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành Nhà máy xử lý nước thải và ghi chép vào sổ giám sát hàng ngày.

- Trường hợp nước thải đầu ra vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trong điều kiện Nhà máy xử lý nước thải tập trung Quý Tiến – module 01 vẫn hoạt động, nước thải sẽ được quay vòng để xử lý lại.

- Trường hợp Nhà máy xử lý nước thải tập trung Quý Tiến – module 01 gặp sự cố và phải dừng hoạt động, nước thải được lưu chứa tại hồ sự cố (có thể tích 4.400m^3 , dung tích hữu ích 4.000m^3). Sau khi điều tra nguyên nhân, khắc phục xong sự cố, nước thải được tiếp tục xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- Định kỳ vệ sinh, súc rửa bồn lọc của Nhà máy xử lý nước thải đảm bảo không tắc nghẽn trong quá trình vận hành.

b) Quy trình phòng ngừa, ứng phó sự cố

Khi phát hiện nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường. Nhân viên vận hành sẽ khóa van đường dẫn nước thải từ mương quan trắc ra hồ sinh học, và mở van đường dẫn nước thải từ mương quan trắc ra hồ sự cố - nước thải sẽ được lưu chứa tạm thời tại hồ sự cố. Đồng thời, thông báo cho bộ phận quản lý biết để điều tra nguyên nhân và khắc phục sự cố, bao gồm các hoạt động:

- Thực hiện kiểm tra nguồn điện. Khi phát hiện sự cố do mất điện: nhà máy sẽ khởi động máy phát điện dự phòng để vận hành Nhà máy xử lý nước thải.

- Thực hiện kiểm tra các máy móc, thiết bị thông qua tín hiệu báo của tủ điều khiển hoặc qua kiểm tra trực tiếp. Khi phát hiện sự cố là do hư hỏng các máy móc, thiết bị, nhà máy sẽ cho hoạt động các máy móc, thiết bị dự phòng (bơm, máy thổi khí); một số máy móc, thiết bị không có sẵn, nhà máy sẽ nhanh chóng mua và thay thế trong thời gian sớm nhất.

- Thực hiện kiểm tra chất lượng nước thải đầu vào thông qua kết quả phân tích mẫu nước thải đầu vào tại phòng thí nghiệm và bằng các bộ test nhanh để phát hiện các chỉ tiêu ô nhiễm cao bất thường. Khi phát hiện sự cố do nước thải đầu vào có nồng độ các chất ô nhiễm cao, nhà máy sẽ:

+ Dựa trên kết quả phân tích để điều chỉnh chế độ vận hành, thời gian lưu nước và liều lượng hóa chất phù hợp với chất lượng nước thải đầu vào.

+ Kiểm tra các cống xả của các doanh nghiệp trong Khu xử lý chất thải tập trung Tóc Tiên để phát hiện các điểm xả có nước ô nhiễm bất thường nhằm kiểm soát hoạt động xả thải của các doanh nghiệp.

+ Kiểm tra hoạt động của hệ vi sinh trong các bể xử lý sinh học.

+ Lấy mẫu nước thải sau từng công đoạn xử lý của Nhà máy xử lý nước thải để kiểm tra hiệu quả xử lý của từng công đoạn và chất lượng nước thải sau xử lý cho tới khi khắc

phục xong sự cố.

- Sau khi khắc phục xong sự cố và vận hành Nhà máy xử lý nước thải ổn định, có quá phân tích mẫu nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn cho phép; nhân viên vận hành sẽ mở van đường dẫn xả nước ra hồ sinh học. Đồng thời, nước thải tại hồ sự cố sẽ được bơm tuần hoàn về bể điều hòa để tái xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Dự án đã thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đối với Nhà máy xử lý nước thải tập trung Quý Tiến - module 01 có công suất thiết kế 1.000m³/ngày đêm; Sở Tài nguyên và Môi trường đã có ý kiến tại văn bản số 5667/STNMT-BVMT ngày 23 tháng 8 năm 2021 và 2948/STNMT-BVMT ngày 17 tháng 05 năm 2022.

Tuy nhiên, trong quá trình vận hành thử nghiệm dự án từ ngày 31/08/2021 đến ngày 22/04/2022, Công ty TNHH Môi trường Quý Tiến chủ yếu lấy nguồn nước thải từ nước thải sau xử lý đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT của Nhà máy xử lý chất thải nguy hại Quý Tiến để vận hành thử nghiệm Nhà máy xử lý nước thải tập trung Quý Tiến - module 01 có công suất thiết kế 1.000 m³/ngày đêm. Do đó, để bảo đảm đánh giá chính xác hiệu quả Nhà máy xử lý nước thải tập trung Quý Tiến - module 01 có công suất thiết kế 1.000 m³/ngày đêm, sau khi các doanh nghiệp đầu nổi nước thải, Công ty TNHH Môi trường Quý Tiến tiến hành vận hành thử nghiệm Nhà máy xử lý nước thải tập trung Quý Tiến - module 01 theo quy định tại Điều 31 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, kế hoạch cụ thể như sau:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 01 tháng sau khi được cấp Giấy phép.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

2.2.1. Vị trí lấy mẫu (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107°45', múi chiếu 3°), như sau: X = 1170033; Y = 432617.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A; $K_q = 0,9$; $K_f = 1,0$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1.	Lưu lượng (đầu vào và đầu ra)	m ³ /ngày đêm	1.000
2.	Nhiệt độ	°C	40
3.	Độ màu	Pt/Co	50
4.	pH	-	6 ÷ 9
5.	COD	mg/l	67,5
6.	Chất rắn lơ lửng	mg/l	45

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
7.	Amoni (tính theo N)	mg/l	4,5
8.	BOD ₅ (20°C)	mg/l	27
9.	Asen	mg/l	0,045
10.	Thủy ngân	mg/l	0,0045
11.	Chì	mg/l	0,09
12.	Cadimi	mg/l	0,045
13.	Crom (VI)	mg/l	0,045
14.	Crom (III)	mg/l	0,18
15.	Đồng	mg/l	1,8
16.	Kẽm	mg/l	2,7
17.	Niken	mg/l	0,18
18.	Mangan	mg/l	0,45
19.	Sắt	mg/l	0,9
20.	Tổng xianua	mg/l	0,063
21.	Tổng phenol	mg/l	0,09
22.	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,5
23.	Sunfua	mg/l	0,18
24.	Florua	mg/l	4,5
25.	Tổng Nito	mg/l	18
26.	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/l	3,6
27.	Clorua	mg/l	450
28.	Clo dư	mg/l	0,9
29.	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,045
30.	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật phot pho hữu cơ	mg/l	0,27
31.	Tổng PCB	mg/l	0,0027
32.	Coliform	vi khuẩn/100ml	3.000

2.3. Tần suất lấy mẫu: 04 mẫu đơn (gồm 01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu nước thải đầu ra) trong 03 ngày liên tiếp giai đoạn vận hành ổn định.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Bảo đảm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện thu gom và xử lý nước thải đạt quy chuẩn cho phép trước khi xả thải ra môi trường.



Phụ lục 2

CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số .01.. /GPMT-STNMT ngày .15. tháng .08. năm 2022
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

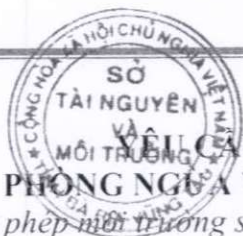
1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên theo dõi, bảo trì, kiểm tra độ mòn chi tiết, định kỳ tra dầu bôi trơn, thay các chi tiết hư hỏng, kiểm tra sự cân bằng của máy móc khi lắp đặt.
- Lắp đặt các đệm chống ồn, rung bằng cao su cho các máy móc, thiết bị.
- Trồng nhiều cây xanh quanh hàng rào nhà máy.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được kiểm soát, giảm thiểu bảo đảm các yêu cầu về tiếng ồn, độ rung tại các quy định liên quan (nếu có).

2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.



Phụ lục 3

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số .01. /GPM-T-STNMT ngày .15 tháng .08 năm 2022 của
Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng trung bình (kg/năm)
1	Bùn thải từ Nhà máy xử lý nước thải tập trung Quý Tiến - module 01	12 06 06	455.885
	Bóng đèn huỳnh quang thải, thủy tinh thải	16 01 06	5
	Dầu nhớt thải	17 02 04	15
	Bao bì mềm đựng hóa chất	18 01 01	25
	Thùng, can nhựa dính thành phần nguy hại	18 01 03	25
	Giẻ lau dính dầu nhớt, hóa chất	18 02 01	8
	Ắc quy chì thải	19 06 01	2
	Tổng cộng		455.965

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Số lượng trung bình (kg/năm)
1	Bao bì carton, giấy vụn từ hoạt động điều hành Nhà máy xử lý nước thải tập trung Quý Tiến - module 01	360
	Tổng cộng	360

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

TT	Tên chất thải	Số lượng trung bình (kg/năm)
1	Rác thải sinh hoạt	3.600
	Tổng cộng	3.600

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại
2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại
2.1.1. Thiết bị lưu chứa

Bố trí các thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy (120 lít) và bao bì.

2.1.2. Khu vực lưu chứa trong nhà chứa chất thải

- Diện tích khu vực lưu chứa trong nhà chứa chất thải: 30m² (nhà chứa chất thải có diện tích 4.800 m²).

- Thiết kế, cấu tạo của nhà chứa chất thải: có tường gạch, mái che bằng tôn, nền bê tông chống thấm, rãnh thu gom nước thải, chất thải lỏng đổ tràn (chủ yếu là nước rỉ và nước thải khi vệ sinh sàn) về hố ga trong nhà chứa chất thải. Nước thải tại hố ga được dẫn về Nhà máy xử lý nước thải tập trung Quý Tiến - module 01 để xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả ra môi trường. Nhà chứa chất thải lắp đặt biển cảnh báo theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa

- Bố trí các thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy (60 lít).

2.2.2. Khu vực lưu chứa trong nhà kho 2

- Diện tích khu vực lưu chứa trong nhà kho 2: 10m² (nhà kho 2 có diện tích 900 m²).

- Thiết kế, cấu tạo của nhà kho 2: có tường gạch, mái che bằng tôn, nền bê tông chống thấm và có biển cảnh báo theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa

- Bố trí các thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy (60 lít).

2.3.2. Khu vực lưu chứa trong nhà kho 2

- Diện tích khu vực lưu chứa trong nhà kho 2: 10m² (nhà kho 2 có diện tích 900 m²).

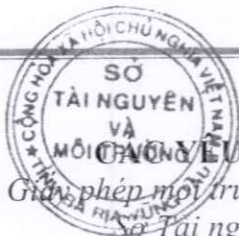
Thiết kế, cấu tạo của nhà kho 2: có tường gạch, mái che bằng tôn, nền bê tông chống thấm và có biển cảnh báo theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.



Phụ lục 4

YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số .01. /GPMT-STNMT ngày .15. tháng .08. năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Tiếp tục thực hiện các hạng mục, công trình và các yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Nhà máy xử lý nước thải tập trung Quý Tiến - module 02 có công suất thiết kế 1.000m³/ngày đêm theo nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 1814/QĐ-UBND ngày 07/7/2020 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện trách nhiệm của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 53 của Luật Bảo vệ môi trường; có trách nhiệm thực hiện kinh tế tuần hoàn theo quy định.